

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chỉ số cải cách hành chính năm 2015
của các cơ quan Trung ương; các sở, ban, ngành và
UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh quy định về theo dõi đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định, xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2015 tại Tờ trình số 11/TTr-HĐTĐ ngày 28/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố, cụ thể như sau:

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của Khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh

Vị trí	Tên cơ quan	Chỉ số CCHC năm 2015	Xếp loại
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	95.5	Xuất sắc
2	Cục Hải quan tỉnh	95.0	Xuất sắc
3	Cục Thuế tỉnh	94.0	Xuất sắc
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	89.0	Tốt
5	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	88.0	Tốt
Giá trị trung bình		92.3	

2. Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của Khối các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

Vị trí	Tên cơ quan	Chỉ số CCHC năm 2015	Xếp loại
1	Sở Tài chính	94.5	Xuất sắc
2	Sở Công Thương	91.0	Xuất sắc
3	Ban Quản lý Khu kinh tế	90.0	Tốt
3	Sở Thông tin và Truyền thông	90.0	Tốt
5	Sở Nội vụ	88.5	Tốt
5	Thanh tra tỉnh	88.5	Tốt
5	Sở Xây dựng	88.5	Tốt
8	Sở Khoa học và Công nghệ	85.5	Tốt
9	Sở Y tế	84.5	Tốt
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	83.0	Tốt
11	Sở Tư pháp	82.5	Tốt
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	82.0	Tốt
13	Sở Ngoại vụ	81.5	Tốt
13	Ban Dân tộc	81.5	Tốt
15	Sở Giao thông vận tải	77.0	Khá
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	74.5	Khá
17	Văn phòng UBND tỉnh	73.5	Khá
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	73.0	Khá
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	63.5	Trung bình
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	63.0	Trung bình
Giá trị trung bình		81.8	

3. Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của Khối các huyện, thị xã, thành phố

Vị trí	Tên địa phương	Chỉ số CCHC năm 2015	Xếp loại
1	Thành phố Quy Nhơn	88.0	Tốt
2	Thị xã An Nhơn	84.0	Tốt
3	Huyện Tuy Phước	82.0	Tốt
4	Huyện An Lão	80.0	Khá
5	Huyện Phù Cát	77.0	Khá
6	Huyện Hoài Nhơn	76.0	Khá
7	Huyện Tây Sơn	74.5	Khá
8	Huyện Phù Mỹ	73.0	Khá
9	Huyện Vĩnh Thạnh	72.0	Khá
10	Huyện Hoài Ân	61.5	Trung bình
11	Huyện Vân Canh	56.5	Trung bình
Giá trị trung bình		75.0	

(Kèm theo Báo cáo tóm tắt và các Phụ lục)

Điều 2. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố là cơ sở để đánh giá và xét khen thưởng thành tích thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định hiện hành.

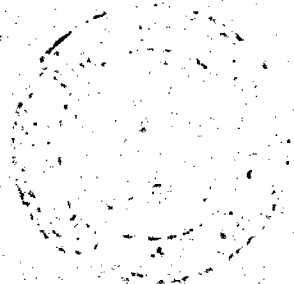
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *thv*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đài PT và TH Bình Định;
- Báo Bình Định;
- Trung tâm Công báo;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, K12. *hml*

CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng





BÁO CÁO

Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015
của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số 4419/QĐ-UBND
ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015

1. Công tác tổ chức thực hiện

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch số 138/KH-SNV ngày 19/02/2016 triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng đánh giá gồm:

+ Khối các cơ quan Trung ương: Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh và Bảo hiểm Xã hội tỉnh.

+ Khối các sở, ban, ngành của tỉnh: 20 sở, ban, ngành.

+ Khối các huyện, thị xã, thành phố: 11/11 huyện, thị xã, thành phố.

2. Tổ chức tự đánh giá và kiểm tra, thẩm định

- Triển khai tự đánh giá: Các cơ quan, đơn vị đã theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2015 theo các chỉ số thành phần, thang điểm theo quy định tại Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh.

- Tổ chức thẩm định, xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2015: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 29/07/2016 thành lập Hội đồng thẩm định là lãnh đạo các cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Pháp chế HĐND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông.

Hội đồng thẩm định đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-HĐTD ngày 05/8/2016 phân công 10 Đoàn công tác tiến hành kiểm tra, thẩm định kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại 05 cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh, 20 sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, 11/11 huyện, thị xã, thành phố.

- Căn cứ trên các báo cáo chuyên đề về nội dung Chỉ số thành phần có liên quan và sự tham vấn chuyên môn của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; qua kết quả kiểm tra, thẩm định và kiểm chứng, Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của tỉnh đã tổ chức thảo luận, đánh giá nghiêm túc, khách quan để thống nhất thông qua, trình Chủ

tịch UBND tỉnh phê duyệt Chỉ số CCHC năm 2015 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015 CỦA CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2015

Vị trí	Tên cơ quan	Kết quả tự chấm	Kết quả thẩm định	Xếp loại
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	98.5	95.5	Xuất sắc
2	Cục Hải quan tỉnh	99.0	95.0	Xuất sắc
3	Cục Thuế tỉnh	99.0	94.0	Xuất sắc
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	96.0	89.0	Tốt
5	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	94.5	88.0	Tốt
	Giá trị trung bình		92.3	

Giá trị trung bình Chỉ số CCHC của Khối các cơ quan trung ương đạt 92.3%. Kết quả của Khối được chia 02 nhóm:

+ Nhóm được xếp loại **Xuất sắc** đạt từ 91% trở lên có 03 đơn vị là: Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Cục Hải quan và Cục Thuế tỉnh;

+ Nhóm được xếp loại **Tốt** đạt từ 81% đến 90% có 02 đơn vị là: Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh.

Bảng so sánh kết quả Chỉ số cải cách hành chính 03 năm (2013, 2014, 2015) của Khối các cơ quan trung ương

STT	Tên cơ quan	Chỉ số CCHC năm 2013	Chỉ số CCHC năm 2014	Chỉ số CCHC năm 2015	Giá trị tăng/giảm của năm 2015 so với năm 2014
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	95.0	95.5	95.5	0.0
2	Cục Hải quan tỉnh	92.0	94.0	95.0	1.0
3	Cục Thuế tỉnh	87.5	82.5	94.0	11.5
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	87.0	86.5	89.0	2.5
5	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	81.5	82.5	88.0	5.5
	Giá trị trung bình	88.6	88.2	92.3	4.1

Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2015 của Khối tăng mạnh so với kết quả năm 2014 (88.20%). Các đơn vị là Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh có kết quả Chỉ số tăng cao hơn so với năm 2014.

2. Kết quả các Chỉ số thành phần

a) Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 20.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	18.5	92.5%
2	Cục Thuế tỉnh	17.5	87.5%
3	Cục Hải quan tỉnh	17.0	85.0%
4	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	16.0	80.0%
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	16.0	80.0%
	Giá trị trung bình	17	85.0%

Giá trị trung bình năm 2015 là 85%. Kết quả cho thấy, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Cục Thuế là những đơn vị thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính theo quy định của ngành và của UBND tỉnh.

Các đơn vị: Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh và Cục Hải quan cần khắc phục những hạn chế như: xây dựng kế hoạch, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Chỉ số thành phần cải cách thể chế:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 6.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	6.0	100%
2	Cục Hải quan tỉnh	6.0	100%
3	Cục Thuế tỉnh	6.0	100%
4	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	6.0	100%
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	6.0	100%
	Giá trị trung bình	6.0	100%

Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh không có chức năng tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên việc đánh giá cải cách thể chế tập trung vào nội dung đánh giá chất lượng, thực hiện rà soát

W 3

văn bản do cơ quan ban hành. Kết quả cho thấy, nhìn chung các đơn vị đều thực hiện tốt việc soạn thảo cũng như rà soát văn bản của cơ quan ban hành theo quy định.

c) Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 23.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Cục Hải quan tỉnh	23.0	100%
2	Cục Thuế tỉnh	22.5	97.8%
3	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	22.0	95.7%
4	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	20.0	87.0%
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	20.0	87.0%
	Giá trị trung bình	21.5	93.5%

Qua đánh giá, Bảo hiểm Xã hội, Cục Hải quan, nhất là Cục Thuế đã thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính theo quy định của ngành.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Kho bạc Nhà nước cần quan tâm thực hiện đầy đủ theo quy định về giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa.

d) Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 9.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	9.0	100%
2	Cục Hải quan tỉnh	9.0	100%
3	Cục Thuế tỉnh	9.0	100%
4	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	9.0	100%
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	9.0	100%
	Giá trị trung bình	9.0	100%

Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện đầy đủ các nội dung về sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan và có phân công nhiệm vụ đảm bảo theo quy định của ngành. *ƯV*

d) Chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 18.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	17.5	97.2%
2	Cục Hải quan tỉnh	17.0	94.4%
3	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	17.0	94.4%
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	17.0	94.4%
5	Cục Thuế tỉnh	16.5	91.7%
	Giá trị trung bình	17.0	94.4%

Với kết quả đạt từ 91.7% đến 97.2% cho thấy các cơ quan thuộc Khối đã quan tâm thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tại đơn vị.

Tuy nhiên, các cơ quan như Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước cần tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định, khắc phục một số mặt còn hạn chế trong thực hiện văn hóa công sở tại cơ quan.

e) Chỉ số thành phần cải cách tài chính công:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 8.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	8.0	100%
2	Cục Hải quan tỉnh	8.0	100%
3	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	8.0	100%
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	8.0	100%
5	Cục Thuế tỉnh	7.5	93.8%
	Giá trị trung bình	7.9	98.8%

g) Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 16.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Cục Hải quan tỉnh	15.0	93.8%
2	Cục Thuế tỉnh	15.0	93.8%
3	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	14.5	90.6%

4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	13.0	81.3%
5	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	12.0	75.0%
	Giá trị trung bình	13.9	86.9%

Các đơn vị có kết quả cao hơn giá trị trung bình như: Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế, Bảo hiểm Xã hội, đạt từ 90.6% đến 93.8%, đã thực hiện tốt nội dung hiện đại hóa nền hành chính, nhất là triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính (Cục Hải quan và Cục Thuế đã triển khai dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4).

Bên cạnh đó, các đơn vị như: Kho bạc Nhà nước tỉnh và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh từ năm 2013 đến nay vẫn chưa xây dựng được Trang Thông tin điện tử để công khai các thông tin về thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với tổ chức, công dân trên địa bàn tỉnh.

III. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2015

Vị trí	Tên cơ quan	Kết quả tự chấm	Kết quả thẩm định	Xếp loại
1	Sở Tài chính	98.5	94.5	Xuất sắc
2	Sở Công Thương	99.5	91.0	Xuất sắc
3	Ban Quản lý Khu kinh tế	96.5	90.0	Tốt
3	Sở Thông tin và Truyền thông	93.5	90.0	Tốt
5	Sở Nội vụ	90.5	88.5	Tốt
5	Thanh tra tỉnh	99.0	88.5	Tốt
5	Sở Xây dựng	96.0	88.5	Tốt
8	Sở Khoa học và Công nghệ	97.0	85.5	Tốt
9	Sở Y tế	94.0	84.5	Tốt
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	93.5	83.0	Tốt
11	Sở Tư pháp	95.0	82.5	Tốt
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	91.0	82.0	Tốt
13	Sở Ngoại vụ	96.5	81.5	Tốt
13	Ban Dân tộc	95.5	81.5	Tốt
15	Sở Giao thông vận tải	98.5	77.0	Khá

Vị trí	Tên cơ quan	Kết quả tự chấm	Kết quả thẩm định	Xếp loại
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	92.5	74.5	Khá
17	Văn phòng UBND tỉnh	97.0	73.5	Khá
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	86.5	73.0	Khá
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	94.5	63.5	Trung bình
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	85.0	63.0	Trung bình
	Giá trị trung bình		81.8	

Giá trị trung bình của Khối các sở, ngành thuộc UBND tỉnh đạt 81.8%. Kết quả Chỉ số được chia thành 04 nhóm như sau:

- Nhóm được đánh giá Chỉ số CCHC đạt **Xuất sắc** có 02 đơn vị gồm: Sở Tài chính (đạt 94.5%) và Sở Công Thương (đạt 91%); giảm 02 đơn vị so với năm 2013 và năm 2014.

- Nhóm được đánh giá Chỉ số CCHC loại **Tốt**, đạt từ 81.5% đến 90% có 12 sở, ngành gồm: Ban Quản lý Khu kinh tế, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngoại vụ, Ban Dân tộc.

- Nhóm được đánh giá Chỉ số CCHC loại **Khá** đạt từ 73% đến 77% có 04 đơn vị gồm: Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng UBND tỉnh, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhóm được đánh giá Chỉ số CCHC loại **Trung bình** có 02 đơn vị gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư (đạt 63.5%) và Sở Tài nguyên và Môi trường (đạt 63%). Đây là năm đầu tiên có sở, ngành đạt mức trung bình sau 03 năm triển khai đánh giá chỉ số cải cách hành chính.

Bảng so sánh kết quả Chỉ số cải cách hành chính 03 năm (2013, 2014 và 2015) của Khối các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh

T	Tên cơ quan	Chỉ số CCHC năm 2013	Chỉ số CCHC năm 2014	Chỉ số CCHC năm 2015	Giá trị tăng/giảm của năm 2015 so với năm 2014
1	Sở Tài chính	91.0	91.0	94.5	3.5
2	Sở Công Thương	96.0	89.5	91.0	1.5

3	Ban Quản lý Khu kinh tế	97.5	91.5	90.0	-1.5
3	Sở Thông tin và Truyền thông	79.5	83.0	90.0	7.0
5	Sở Nội vụ	92.5	91.0	88.5	-2.5
5	Thanh tra tỉnh	87.5	91.5	88.5	-3.0
5	Sở Xây dựng	88.0	87.5	88.5	1.0
8	Sở Khoa học và Công nghệ	87.0	82.5	85.5	3.0
9	Sở Y tế	73.0	80.0	84.5	4.5
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	84.0	82.0	83.0	1.0
11	Sở Tư pháp	82.0	83.5	82.5	-1.0
12	Sở Lao động - TB và XH	75.5	81.0	82.0	1.0
13	Sở Ngoại vụ	77.5	81.0	81.5	0.5
13	Ban Dân tộc	77.0	80.5	81.5	1.0
15	Sở Giao thông vận tải	81.0	81.5	77.0	-4.5
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	78.0	80.5	74.5	-6.0
17	Văn phòng UBND tỉnh	84.5	85.5	73.5	-12.0
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	81.5	73.0	73.0	0.0
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	82.5	88.0	63.5	-24.5
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	78.0	73.5	63.0	-10.5
	Giá trị trung bình	83.7	83.9	81.8	-2.1

- Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2015 của Khối là 81.8%, giảm 2.1% so với năm 2014 (83.9%);

- Có 10/20 cơ quan đạt kết quả Chỉ số CCHC năm 2015 tăng hơn so với kết quả năm 2014; các cơ quan có mức tăng cao là: Sở Thông tin và Truyền thông (tăng 7 điểm), Sở Y tế (tăng 4.5 điểm), Sở Tài chính (tăng 3.5 điểm),...

- Có 09/20 cơ quan đạt kết quả Chỉ số CCHC năm 2015 giảm so với kết quả năm 2014; đặc biệt là các cơ quan có mức giảm tương đối cao là: Sở Kế hoạch và Đầu tư (giảm 24.5 điểm), Văn phòng UBND tỉnh (giảm 12 điểm) và Sở Tài nguyên và Môi trường (giảm 10.5 điểm),...

2. Kết quả các Chỉ số thành phần

a) Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

Ước

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 20.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Nội vụ	19.0	95.0%
2	Sở Tài chính	18.5	92.5%
3	Sở Công Thương	18.0	90.0%
4	Sở Xây dựng	18.0	90.0%
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	17.5	87.5%
6	Ban Quản lý Khu kinh tế	17.0	85.0%
7	Sở Ngoại vụ	17.0	85.0%
8	Sở Thông tin và Truyền thông	15.0	75.0%
9	Sở Khoa học và Công nghệ	14.5	72.5%
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	14.5	72.5%
11	Văn phòng UBND tỉnh	14.0	70.0%
12	Thanh tra tỉnh	12.5	62.5%
13	Sở Y tế	12.5	62.5%
14	Ban Dân tộc	12.5	62.5%
15	Sở Tư pháp	12.0	60.0%
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	11.5	57.5%
17	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8.0	40.0%
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.0	40.0%
19	Sở Giao thông vận tải	7.0	35.0%
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	2.0	10.0%
	Giá trị trung bình	13.5	67.3%

Giá trị trung bình của Chỉ số là 67.3%, giảm hơn so với năm 2014 là 69.2%.

- Có 11 cơ quan đạt cao hơn giá trị trung bình đạt kết quả từ 70% đến 95%; Sở Nội vụ và Sở Tài chính là những đơn vị làm tốt công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính.

- Có 9 cơ quan có giá trị thấp hơn giá trị trung bình là các sở, ngành: Thanh tra tỉnh, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc. Trong đó có những cơ quan còn nhiều hạn chế trong công tác chỉ đạo điều hành về cải

cách hành chính như các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường

b) Chỉ số thành phần cải cách thể chế:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 6.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	6.0	100%
2	Sở Nội vụ	6.0	100%
3	Ban Quản lý Khu kinh tế	6.0	100%
4	Thanh tra tỉnh	6.0	100%
5	Văn phòng UBND tỉnh	6.0	100%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	6.0	100%
7	Sở Y tế	6.0	100%
8	Sở Tư pháp	6.0	100%
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.0	100%
10	Sở Ngoại vụ	5.5	91.7%
11	Sở Xây dựng	5.0	83.3%
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.0	83.3%
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5.0	83.3%
14	Sở Công Thương	5.0	83.3%
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5.0	83.3%
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	4.5	75.0%
17	Sở Thông tin và Truyền thông	4.0	66.7%
18	Ban Dân tộc	4.0	66.7%
19	Sở Giao thông vận tải	4.0	66.7%
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3.5	58.3%
	Giá trị trung bình	5.2	87.1%

Giá trị trung bình năm 2015 là 87.1%, thấp hơn so với năm 2014 là 96.8%; trong đó, có 09 sở, ngành đạt 100% vì đã làm tốt công tác tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật và rà soát, hệ thống hóa, triển khai văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu đề ra.

Tuy nhiên, một số sở, ngành như: Ban Dân tộc, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường

trường chưa triển khai công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

c) Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 23.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thanh tra tỉnh	23.0	100%
2	Ban Dân tộc	23.0	100%
3	Sở Y tế	22.0	95.7%
4	Sở Thông tin và Truyền thông	22.0	95.7%
5	Sở Tài chính	21.5	93.5%
6	Sở Công Thương	21.0	91.3%
7	Sở Xây dựng	21.0	91.3%
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	21.0	91.3%
9	Ban Quản lý Khu kinh tế	20.0	87.0%
10	Sở Khoa học và Công nghệ	20.0	87.0%
11	Sở Giao thông vận tải	20.0	87.0%
12	Sở Nội vụ	19.0	91.3%
13	Sở Tư pháp	19.0	82.6%
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	19.0	82.6%
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17.0	73.9%
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	17.0	73.9%
17	Sở Ngoại vụ	16.5	71.7%
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	15.5	67.4%
19	Văn phòng UBND tỉnh	9.0	39.1%
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.0	34.8%
	Giá trị trung bình	18.7	81.4%

Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Y tế đã triển khai thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa theo quy định (Ban Dân tộc không có thủ tục hành chính).

Tuy nhiên, nhiều sở ngành chưa thực hiện tốt công tác rà soát, kiến nghị đơn giản hóa và công khai thủ tục hành chính. Việc cập nhật, tham mưu công bố

Yw

thủ tục hành chính trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đăng ký kinh doanh, nội vụ còn chậm so với yêu cầu đề ra.

Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa tại nhiều sở, ngành còn mang tính hình thức. Các sở, ngành như: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Ngoại vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch vẫn chưa bố trí phòng làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo diện tích theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh chưa triển khai thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

d) Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 9.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	9.0	100%
2	Sở Công Thương	9.0	100%
3	Thanh tra tỉnh	9.0	100%
4	Văn phòng UBND tỉnh	9.0	100%
5	Sở Y tế	9.0	100%
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	9.0	100%
7	Sở Tư pháp	9.0	100%
8	Sở Ngoại vụ	9.0	100%
9	Ban Quản lý Khu kinh tế	8.5	94.4%
10	Sở Xây dựng	8.5	94.4%
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8.5	94.4%
12	Sở Nội vụ	8.0	88.9%
13	Sở Thông tin và Truyền thông	8.0	88.9%
14	Sở Khoa học và Công nghệ	8.0	88.9%
15	Sở Giao thông vận tải	8.0	88.9%
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8.0	88.9%
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	7.5	83.3%
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	7.5	83.3%
19	Ban Dân tộc	7.0	77.8%
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7.0	77.8%
	Giá trị trung bình	8.3	92.5%

Có 11/20 cơ quan đạt điểm cao hơn giá trị trung bình; các đơn vị thuộc nhóm đạt kết quả thấp như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư là những đơn vị cần khắc phục những hạn chế trong việc tổ chức tham mưu ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc và tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện phân cấp trong phạm vi quản lý ngành.

e) Chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 18.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	18.0	100%
2	Sở Thông tin và Truyền thông	18.0	100%
3	Sở Giao thông vận tải	17.5	97.2%
4	Sở Nội vụ	17.0	94.4%
5	Sở Khoa học và Công nghệ	17.0	94.4%
6	Sở Tư pháp	17.0	94.4%
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	17.0	94.4%
8	Thanh tra tỉnh	16.5	91.7%
9	Ban Dân tộc	16.5	91.7%
10	Văn phòng UBND tỉnh	16.5	91.7%
11	Sở Công Thương	16.0	88.9%
12	Sở Xây dựng	16.0	88.9%
13	Ban Quản lý Khu kinh tế	15.5	86.1%
14	Sở Y tế	15.5	86.1%
15	Sở Ngoại vụ	15.5	86.1%
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.0	83.3%
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	15.0	83.3%
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	15.0	83.3%
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15.0	83.3%
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	12.5	69.4%
	Giá trị trung bình	16.1	89.4%

Giá trị trung bình của Chỉ số nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năm 2015 là 89.4% cao hơn so với năm 2014 là 87%. Trong đó, có 10/20 cơ quan đạt chỉ số cao hơn mức trung bình; các cơ quan như: Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện tương đối tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

Tuy nhiên, một số đơn vị như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa quản lý, thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nên còn phổ biến tình trạng công chức, viên chức được phân công nhưng không tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của tỉnh.

g) Chỉ số thành phần cải cách tài chính công:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 8.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	8.0	100%
2	Sở Công Thương	8.0	100%
3	Ban Quản lý Khu kinh tế	8.0	100%
4	Sở Xây dựng	8.0	100%
5	Sở Thông tin và Truyền thông	8.0	100%
6	Thanh tra tỉnh	8.0	100%
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8.0	100%
8	Sở Khoa học và Công nghệ	8.0	100%
9	Sở Y tế	8.0	100%
10	Sở Ngoại vụ	8.0	100%
11	Sở Giao thông vận tải	8.0	100%
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	8.0	100%
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.0	100%
14	Ban Dân tộc	7.5	93.8%
15	Sở Nội vụ	7.0	87.5%
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7.0	87.5%
17	Sở Tư pháp	7.0	87.5%
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.5	81.3%
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6.5	81.3%
20	Văn phòng UBND tỉnh	6.0	75.0%
	Giá trị trung bình	7.6	94.7%

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần cải cách tài chính công đạt 94.7%, 13/20 sở ngành đạt chỉ số tối đa (100%). Tuy nhiên, qua đánh giá, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là đơn vị chưa đạt tỷ lệ 100% đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tài chính theo quy định. Các cơ quan như: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là những đơn vị đạt mức thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức còn thấp so với tiêu chí đặt ra.

h) Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 16.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Thông tin và Truyền thông	15.0	93.8%
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	15.0	93.8%
3	Sở Công Thương	14.0	87.5%
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.0	87.5%
5	Sở Tài chính	13.5	84.4%
6	Thanh tra tỉnh	13.5	84.4%
7	Văn phòng UBND tỉnh	13.0	81.3%
8	Sở Nội vụ	12.5	78.1%
9	Sở Tư pháp	12.5	78.1%
10	Sở Giao thông vận tải	12.5	78.1%
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	12.5	78.1%
12	Sở Xây dựng	12.0	75.0%
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12.0	75.0%
14	Sở Khoa học và Công nghệ	12.0	75.0%
15	Sở Y tế	11.5	71.9%
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	11.5	71.9%
17	Ban Dân tộc	11.0	68.8%
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	10.5	65.6%
19	Sở Ngoại vụ	10.0	62.5%
20	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9.5	59.4%
	Giá trị trung bình	12.4	77.5%

ylh

Giá trị trung bình chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính năm 2015 của Khối là 77.5%, cao hơn so với kết quả năm 2014 (75.9%). Trong đó có 11/20 cơ quan có kết quả cao hơn giá trị trung bình, đạt từ 78.1% đến 93.8% và Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị đạt kết quả cao nhất; có 9/20 đơn vị có kết quả thấp hơn giá trị trung bình, đạt từ 59.4% đến 75%, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đơn vị có kết quả thấp nhất.

Mặc dù, các sở, ngành đều đã triển khai hệ thống Văn phòng điện tử. Tuy nhiên, nhiều sở, ngành như: Công Thương, Thanh tra tỉnh, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Ngoại vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường chưa thực hiện việc Thủ trưởng đơn vị bút phê và chuyển văn bản trên hệ thống Văn phòng điện tử. Việc cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ngành và của tỉnh chưa được kịp thời và thường xuyên; tỷ lệ cơ quan triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên còn thấp.

IV. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2015

Vị trí	Tên địa phương	Kết quả tự chấm	Kết quả thẩm định	Xếp loại
1	Thành phố Quy Nhơn	94.5	88.0	Tốt
2	Thị xã An Nhơn	91.0	84.0	Tốt
3	Huyện Tuy Phước	85.5	82.0	Tốt
4	Huyện An Lão	87.75	80.0	Khá
5	Huyện Phù Cát	95.0	77.0	Khá
6	Huyện Hoài Nhơn	89.0	76.0	Khá
7	Huyện Tây Sơn	95.0	74.5	Khá
8	Huyện Phù Mỹ	86.0	73.0	Khá
9	Huyện Vĩnh Thạnh	86.5	72.0	Khá
10	Huyện Hoài Ân	82.0	61.5	Trung bình
11	Huyện Vân Canh	71.0	56.5	Trung bình
	Giá trị trung bình		75.0	

Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của Khối các huyện, thị xã, thành phố đạt 75%. Kết quả được chia thành 04 nhóm như sau:

- Nhóm địa phương được đánh giá **Xuất sắc**: không có;
- Nhóm địa phương được đánh giá **Tốt**, đạt từ 82% đến 88% gồm 03 đơn vị: Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và huyện Tuy Phước;
- Nhóm địa phương được đánh giá xếp loại **Khá** đạt từ 72% đến 80%, gồm có 06 huyện: An Lão, Phù Cát, Hoài Nhơn, Tây Sơn, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh.
- Nhóm địa phương được đánh giá xếp loại **Trung bình** gồm 02 huyện: Hoài Ân (đạt 61.5%) và Vân Canh (đạt 56.5%) (năm 2014 không có địa phương đạt ở mức trung bình).

Bảng so sánh kết quả Chỉ số cải cách hành chính 03 năm (2013, 2014, 2015) của Khối các huyện, thị xã, thành phố

TT	Tên địa phương	Chỉ số CCHC năm 2013	Chỉ số CCHC năm 2014	Chỉ số CCHC năm 2015	Giá trị tăng/giảm của năm 2015 so với năm 2014
1	Thành phố Quy Nhơn	88.0	83.5	88.0	4.5
2	Thị xã An Nhơn	75.0	82.0	84.0	2.0
3	Huyện Tuy Phước	85.0	81.5	82.0	0.5
4	Huyện An Lão	78.0	81.5	80.0	-1.5
5	Huyện Phù Cát	74.5	72.0	77.0	5.0
6	Huyện Hoài Nhơn	80.0	81.0	76.0	-5.0
7	Huyện Tây Sơn	86.5	74.5	74.5	0.0
8	Huyện Phù Mỹ	78.5	81.0	73.0	-8.0
9	Huyện Vĩnh Thạnh	78.5	75.5	72.0	-3.5
10	Huyện Hoài Ân	72.0	74.0	61.5	-12.5
11	Huyện Vân Canh	61.0	65.5	56.5	-9.0
	Giá trị trung bình	77.9	77.5	75.0	-2.5

- Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2015 là 75% giảm 2.5 điểm so với năm 2014 (77.5%); qua kết quả 03 năm đánh giá vẫn chưa có địa phương được đánh giá mức xuất sắc.

- Có 04/11 địa phương đạt kết quả Chỉ số CCHC năm 2015 tăng hơn so với kết quả năm 2014; các địa phương có mức tăng cao là: huyện Phù Cát (tăng 5 điểm), thành phố Quy Nhơn (tăng 4.5 điểm).

- Có 06/11 địa phương đạt kết quả Chỉ số CCHC năm 2015 giảm so với kết quả năm 2014; các địa phương có mức giảm mạnh là: Huyện Hoài Ân (giảm 12.5 điểm), huyện Vân Canh (giảm 9 điểm), huyện Phù Mỹ (giảm 8 điểm), Huyện Hoài Nhơn (giảm 5 điểm).

2. Kết quả các Chỉ số thành phần

a) *Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:*

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 20.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Huyện Tuy Phước	18.5	92.5%
2	Thị xã An Nhơn	18.0	90.0%
3	Huyện Vĩnh Thạnh	18.0	90.0%
4	Huyện Phù Cát	17.0	85.0%
5	Thành phố Quy Nhơn	16.0	80.0%
6	Huyện Hoài Nhơn	15.5	77.5%
7	Huyện An Lão	14.5	72.5%
8	Huyện Tây Sơn	13.5	67.5%
9	Huyện Phù Mỹ	12.0	60.0%
10	Huyện Hoài Ân	10.0	50.0%
11	Huyện Vân Canh	9.0	45.0%
	Giá trị trung bình	14.7	73.6%

Kết quả đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành của Khối các huyện, thị xã, thành phố có nhiều chuyển biến tích cực, giá trị trung bình là 73.6%, tăng hơn so với kết quả năm 2014 (73.4%); trong đó có 06 địa phương đạt mức cao hơn giá trị trung bình. Huyện Hoài Ân và huyện Vân Canh là những địa phương trong 03 năm qua (2013, 2014, 2015) chưa có nhiều chuyển biến trong công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính.

Nhiều địa phương vẫn còn hạn chế về bố trí kinh phí thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền; chất lượng công tác kiểm tra cải cách hành chính vẫn còn thấp so với yêu cầu, nhiệm vụ của công tác chỉ đạo điều hành. 

b) Chỉ số thành phần cải cách thể chế:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 6.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thành phố Quy Nhơn	6.0	100%
2	Huyện Tuy Phước	6.0	100%
3	Huyện Phù Cát	6.0	100%
4	Huyện Hoài Nhơn	6.0	100%
5	Huyện Tây Sơn	5.5	91.7%
6	Huyện Hoài Ân	5.5	91.7%
7	Thị xã An Nhơn	5.0	83.3%
8	Huyện Phù Mỹ	5.0	83.3%
9	Huyện Vân Canh	4.0	66.7%
10	Huyện An Lão	3.5	58.3%
11	Huyện Vĩnh Thạnh	3.0	50.0%
	Giá trị trung bình	5.0	84.1%

Hầu hết các địa phương đã thực hiện đầy đủ quy trình soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến, thẩm định (hoặc thẩm tra) văn bản quy phạm pháp luật; ban hành theo thẩm quyền của chính quyền cấp huyện và triển khai tốt công tác tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Các huyện: Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật chưa đảm bảo quy trình theo quy định.

c) Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính:

STT	Tên địa phương	Cải cách TTHC (tối đa 23 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thành phố Quy Nhơn	22.0	95.7%
2	Huyện Tuy Phước	19.5	84.8%
3	Huyện An Lão	19.5	84.8%
4	Thị xã An Nhơn	19.0	82.6%
5	Huyện Phù Cát	17.5	76.1%
6	Huyện Phù Mỹ	16.5	71.7%
7	Huyện Hoài Nhơn	16.0	69.6%

8	Huyện Vĩnh Thạnh	15.5	67.4%
9	Huyện Vân Canh	14.5	63.0%
10	Huyện Tây Sơn	14.0	60.9%
11	Huyện Hoài Ân	11.5	50.0%
	Giá trị trung bình	16.9	73.3%

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính năm 2015 là 73.3%, thấp hơn so với năm 2014 (đạt 79.1%).

Các địa phương đã thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và triển khai thực hiện cơ chế một cửa tại UBND cấp huyện. Thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước đã có nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả trong cải cách thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, việc công khai thủ tục hành chính tại nhiều địa phương chưa đảm bảo; có 10/11 địa phương (trừ thành phố Quy Nhơn) triển khai chưa đầy đủ các lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện theo quy định.

Các địa phương như: Thị xã An Nhơn, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Hoài Ân, huyện Vân Canh vẫn còn những tồn tại hạn chế như: Chưa bố trí đủ công chức, viên chức; trang bị cơ sở vật chất, diện tích phòng làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đảm bảo theo quy định.

Một số địa phương có tỷ lệ UBND cấp xã thực hiện cơ chế một cửa còn thấp theo quy định như: Huyện Tây Sơn (5/15), huyện Phù Mỹ (4/19), huyện Phù Cát (7/18), huyện Hoài Nhơn (4/17), huyện Hoài Ân (3/15), huyện An Lão (chưa có xã, thị trấn thực hiện).

d) Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 9.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thị xã An Nhơn	9.0	100%
2	Huyện Phù Mỹ	9.0	100%
3	Huyện Hoài Nhơn	8.5	94.4%
4	Thành phố Quy Nhơn	8.0	88.9%
5	Huyện Tuy Phước	8.0	88.9%
6	Huyện Phù Cát	8.0	88.9%
7	Huyện Tây Sơn	8.0	88.9%

8	Huyện Vĩnh Thạnh	8.0	88.9%
9	Huyện An Lão	7.5	83.3%
10	Huyện Hoài Ân	7.5	83.3%
11	Huyện Vân Canh	7.5	83.3%
	Giá trị trung bình	8.1	89.9%

Có 03/11 đơn vị có kết quả chỉ số thành phần về cải cách tổ chức bộ máy cao hơn giá trị trung bình. Qua đánh giá cho thấy, việc ban hành, thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp huyện phù hợp với điều kiện thực tế đã được các địa phương thực hiện có nề nếp. Tuy nhiên, việc tăng cường thực hiện phân cấp, kiểm tra sau phân cấp, mối quan hệ phối hợp trong công tác giữa các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc chưa phát huy hiệu quả.

d) Chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

STT	Địa phương	Điểm đạt được (tối đa 18.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Huyện Tây Sơn	16.0	88.9%
2	Huyện An Lão	15.5	86.1%
3	Huyện Vĩnh Thạnh	15.0	83.3%
4	Thị xã An Nhơn	14.5	80.6%
5	Huyện Tuy Phước	14.5	80.6%
6	Thành phố Quy Nhơn	14.0	77.8%
7	Huyện Phù Cát	14.0	77.8%
8	Huyện Phù Mỹ	14.0	77.8%
9	Huyện Hoài Nhơn	13.5	75.0%
10	Huyện Hoài Ân	13.0	72.2%
11	Huyện Vân Canh	10.0	55.6%
	Giá trị trung bình	14.0	77.8%

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năm 2015 là 77.8% thấp hơn so với năm 2014 (84.8%).

Năm 2015, một số đơn vị thực hiện tương đối tốt các nội dung về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, còn nhiều địa phương chưa thực hiện tốt một số nội dung như: Việc quản lý cán bộ, công chức,

viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của tỉnh; còn hạn chế về thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện văn hóa công sở tại các cơ quan nhà nước, nhất là đối với cấp xã trên địa bàn.

e) Chỉ số thành phần cải cách tài chính công:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 8.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thị xã An Nhơn	8.0	100%
2	Huyện Tây Sơn	8.0	100%
3	Huyện Phù Mỹ	8.0	100%
4	Huyện An Lão	7.5	93.8%
5	Thành phố Quy Nhơn	7.0	87.5%
6	Huyện Phù Cát	7.0	87.5%
7	Huyện Hoài Nhơn	7.0	87.5%
8	Huyện Vân Canh	7.0	87.5%
9	Huyện Vĩnh Thạnh	6.0	75.0%
10	Huyện Tuy Phước	5.5	68.8%
11	Huyện Hoài Ân	5.5	68.8%
	Giá trị trung bình	7.0	86.9%

Thị xã An Nhơn, huyện Tây Sơn và huyện Phù Mỹ đạt chỉ số 100%, là những địa phương thực hiện tốt các nội dung về cải cách tài chính công.

Các địa phương còn lại chưa đạt tỷ lệ 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đổi mới cơ chế tài chính theo quy định. Bên cạnh đó các địa phương như: Thành phố Quy Nhơn, huyện Hoài Nhơn, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Tuy Phước, huyện Hoài Ân chưa triển khai cơ chế tài chính đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

g) Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 16.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thành phố Quy Nhơn	15.0	93.8%
2	Huyện An Lão	12.0	75.0%
3	Thị xã An Nhơn	10.5	65.6%

4	Huyện Tuy Phước	10.0	62.5%
5	Huyện Hoài Nhơn	9.5	59.4%
6	Huyện Tây Sơn	9.5	59.4%
7	Huyện Phù Mỹ	8.5	53.1%
8	Huyện Hoài Ân	8.5	53.1%
9	Huyện Phù Cát	7.5	46.9%
10	Huyện Vĩnh Thạnh	6.5	40.6%
11	Huyện Vân Canh	4.5	28.1%
	Giá trị trung bình	9.3	58.0%

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính năm 2015 của Khối là 58% thấp hơn so với kết quả năm 2014 (61.1%). Trong đó có 06/11 địa phương có kết quả cao hơn giá trị trung bình, đạt từ 59.4% đến 93.8%, thành phố Quy Nhơn là đơn vị đạt kết quả cao nhất. Có 05/11 địa phương có kết quả thấp hơn giá trị trung bình, đạt từ 28.1% đến 53.1%, huyện Vĩnh Thạnh và huyện Vân Canh là những đơn vị đạt kết quả thấp nhất.

Năm 2015, 09/11 huyện, thị xã, thành phố đã triển khai hệ thống Văn phòng điện tử (02 địa phương chưa triển khai là huyện Phù Mỹ và Vân Canh. Công tác triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước tại huyện Phù Cát và huyện Vân Canh chưa triển khai thực hiện theo kế hoạch.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực

- Việc tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm đã được triển khai có nền nếp; một số sở, ngành, địa phương tổ chức theo dõi, tự đánh giá một cách nghiêm túc, chính xác, cung cấp được tài liệu kiểm chứng và nội dung báo cáo giải thích tin cậy, sát với thực tế. Công tác kiểm tra, thẩm định kết quả Chỉ số cải cách hành chính được Hội đồng của tỉnh thực hiện đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, tạo được đồng thuận của các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đánh giá.

- Qua kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thể hiện được sự quan tâm trong công tác chỉ đạo điều hành. Các đơn vị như: Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND thị xã An Nhơn, UBND huyện Tuy Phước đã tiếp tục có chuyển biến trong công tác cải cách hành chính nên kết quả đánh giá tăng cao hơn năm trước và nổi trội hơn so với các cơ quan, đơn vị khác cùng Khối. 

2. Tồn tại, hạn chế

a) Về công tác theo dõi, đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị:

- Nhiều cơ quan, đơn vị chưa nghiêm túc trong công tác tự đánh giá nên kết quả tự đánh giá không chính xác, thiếu tài liệu kiểm chứng, báo cáo giải thích chưa đạt yêu cầu, có độ chênh lệch cao so với kết quả thẩm định như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng UBND tỉnh; huyện Phù Cát, huyện Hoài Nhơn, huyện Tây Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Hoài Ân.

- Một số cơ quan, đơn vị triển khai tự đánh giá và báo cáo kết quả chưa đúng tiến độ theo quy định, cụ thể: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Triển khai công tác thẩm định, đánh giá, công bố Chỉ số cải cách hành chính còn chậm làm ảnh hưởng đến tính hiệu quả và kịp thời trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và đề ra các giải pháp khắc phục hạn chế trong công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị và của tỉnh.

b) Về kết quả Chỉ số cải cách hành chính:

- Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của Khối các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và Khối các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục có sự sụt giảm so với năm 2014; trong đó, số lượng các cơ quan, đơn vị đạt *Xuất sắc* giảm, các cơ quan, đơn vị đạt *Trung bình* tăng nhiều hơn so với những năm trước. Qua đó cho thấy, công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính của nhiều cơ quan, địa phương và của tỉnh chưa thật sự hiệu quả; những hạn chế về cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa nền hành chính tại hầu hết các cơ quan, đơn vị qua nhiều năm vẫn chưa được khắc phục.

- Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và qua 03 năm (2013, 2014, 2015) của các cơ quan, địa phương như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, huyện Tây Sơn, huyện Hoài Ân, huyện Vân Canh luôn duy trì ở nhóm thấp, chưa có chuyển biến tích cực trong công tác cải cách hành chính.

- Một số cơ quan, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; triển khai công tác cải cách hành chính thiếu đồng bộ nên Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 sụt giảm mạnh như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải, huyện Phù Mỹ, huyện Hoài Nhơn,...

- Nhiều cơ quan, đơn vị chưa bố trí đủ nhân lực, kinh phí để đảm bảo triển khai công tác cải cách hành chính hàng năm tại đơn vị; công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền, kiểm tra về cải cách hành chính chưa được quan tâm đúng mức.



- Việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông còn nhiều hạn chế, bất cập như:

+ Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông còn thấp. Một số cơ quan như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh và nhiều UBND cấp xã tại các huyện: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, An Lão, Hoài Ân vẫn chưa thành lập Bộ phận tiếp nhận trả kết quả. Các địa phương như: UBND huyện Hoài Ân và UBND huyện Vân Canh chỉ mới đưa từ 01 đến 02 lĩnh vực thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

+ Nhiều cơ quan, đơn vị bố trí diện tích phòng làm việc, cơ sở vật chất, mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đạt yêu cầu; chất lượng phục vụ chưa đáp ứng được sự hài lòng của tổ chức, công dân.

- Trong lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy: Thực hiện phân cấp, ủy quyền, cơ chế phối hợp, tiến hành kiểm tra sau phân cấp vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

- Về xây dựng, nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Nhiều cơ quan chưa làm tốt công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện các nội dung về văn hóa công sở chưa đúng quy định.

- Về cải cách tài chính công: Triển khai thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đối với hoạt động của chính quyền cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế trên một số tiêu chí như: Tỷ lệ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc còn thấp (đạt từ 40% - 60%); chất lượng cung cấp thông tin và cung ứng dịch vụ công trên Trang/Cổng thông tin điện tử, về công khai thủ tục hành chính và triển khai dịch vụ công trực tuyến (năm 2015 có 03/21 sở, ban ngành và 01/11 huyện, thị xã, thành phố cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, chưa có đơn vị triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4).

- Nhiều cơ quan chưa triển khai tốt việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định.

V. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và kết quả tổng hợp qua 03 năm triển khai để tiến hành phổ biến, tuyên truyền về kết quả Chỉ số của sở, ngành, địa phương. 

Trên cơ sở đó, tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, xác định nguyên nhân những hạn chế, đề ra các giải pháp, biện pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong thời gian đến. Yêu cầu báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) về tình hình, kết quả triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị **trước ngày 15/12/2016.**

b) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét khen thưởng của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức gắn với kết quả thực hiện các nội dung của công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.

c) Tổ chức theo dõi, tự kiểm tra, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị một cách nghiêm túc, thực chất để việc đánh giá Chỉ số cải cách hành chính hàng năm đảm bảo khách quan, thiết thực.

2. Đối với các sở, ngành có liên quan

a) Sở Nội vụ:

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai công tác thẩm định và công bố Chỉ số cải cách hành chính trước ngày 31 tháng 01 hàng năm để làm tiêu chí quan trọng trong việc xem xét, đánh giá thành tích khen thưởng hàng năm đối với tập thể và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu việc sửa đổi, bổ sung về nội dung, cấu trúc, thang điểm, phương pháp đánh giá để hoàn thiện quy định, bộ chỉ số, thang điểm cải cách hành chính theo hướng ngày càng thực chất, hiệu quả.

- Giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, nhất là đối với các cơ quan, địa phương xếp loại khá và trung bình.

b) Sở Tài chính:

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trong dự toán ngân sách hàng năm; theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Hướng dẫn và triển khai thí điểm tại một số địa phương về thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ đối với hoạt động của chính quyền cấp xã. 

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Giúp UBND tỉnh rà soát, nâng cao hiệu quả trong việc đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan hành chính đáp ứng với yêu cầu cải cách hành chính; ưu tiên trong việc bố trí kinh phí đầu tư Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng ngày càng hiện đại tại cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

d) Sở Tư pháp:

- Phối hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh kết quả thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm để làm cơ sở tham chiếu đánh giá Chỉ số thành phần các nội dung liên quan theo Bộ Chỉ số.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế về thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính trên Cổng/Trang thông tin điện tử và tại trụ sở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, chú trọng đến việc tăng cường ứng dụng hệ thống phần mềm và trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 gắn với tăng cường thông tin, tuyên truyền, phát huy hiệu quả trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn các cơ quan truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, thực hiện các chuyên mục về cải cách hành chính đảm bảo hiệu quả, thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

e) Sở Khoa học và Công nghệ: Triển khai, theo dõi, kiểm tra việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước một cách thực chất, tránh hình thức, lãng phí về kinh phí thực hiện. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại các cơ quan, đơn vị cho Hội đồng thẩm định để tham chiếu kết quả đánh giá Chỉ số thành phần liên quan. /.